

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2023-2024

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

| STT | Nội dung                     | Tổng số | Chức danh |             | Trình độ đào tạo |         |         |          |               | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |        |
|-----|------------------------------|---------|-----------|-------------|------------------|---------|---------|----------|---------------|----------------------------|---------|--------|
|     |                              |         | Giáo sư   | Phó Giáo sư | Tiến sĩ          | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III                   | Hạng II | Hạng I |
| I   | Tổng số                      | 49      | 0         | 0           | 1                | 41      | 7       | 0        | 0             | 34                         | 14      | 1      |
| 1   | Giảng viên cơ hữu theo ngành |         |           |             |                  |         |         |          |               |                            |         |        |
| a   | Khối ngành Sư phạm           |         |           |             |                  |         |         |          |               |                            |         |        |
|     | Âm Nhạc                      | 4       |           |             |                  | 2       | 2       |          |               | 4                          |         |        |
|     | Địa lý                       | 0       | 0         | 0           | 0                | 0       | 0       | 0        | 0             | 0                          | 0       | 0      |
|     | Lịch sử                      | 2       |           |             |                  | 2       |         |          |               |                            | 2       |        |
|     | Hóa học                      | 2       |           |             |                  | 2       |         |          |               | 1                          | 1       |        |
|     | Quản lý Giáo dục             | 5       |           |             |                  | 5       |         |          |               | 4                          | 1       |        |
|     | Văn hóa học                  | 1       |           |             |                  | 1       |         |          |               |                            | 1       |        |
|     | Đo lường - Đánh giá          | 1       |           |             |                  | 1       |         |          |               | 1                          |         |        |
|     | Mỹ thuật                     | 3       |           |             |                  | 2       | 1       |          |               | 3                          |         |        |
|     | Ngữ văn                      | 3       |           |             |                  | 3       |         |          |               | 1                          | 2       |        |
|     | Sinh học                     | 2       |           |             | 1                | 1       |         |          |               |                            | 1       | 1      |
|     | Thể dục                      | 2       |           |             |                  | 2       |         |          |               | 1                          | 1       |        |
|     | Tiếng Anh                    | 3       |           |             |                  | 2       | 1       |          |               | 2                          | 1       |        |
|     | Tiếng Pháp                   | 1       |           |             |                  |         | 1       |          |               | 1                          |         |        |
|     | Tin học                      | 3       |           |             |                  | 2       | 1       |          |               | 3                          |         |        |
|     | Toán                         | 3       |           |             |                  | 3       |         |          |               | 2                          | 1       |        |
|     | Vật lý                       | 3       |           |             |                  | 3       |         |          |               | 2                          | 1       |        |
| 2   | Giảng viên cơ hữu môn chung  | 11      |           |             |                  | 10      | 1       |          |               | 9                          | 2       |        |

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

| STT |              |   | Họ và tên        | Năm sinh | Giới tính | Chức danh  | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|--------------|---|------------------|----------|-----------|------------|------------------|------------------------|
| I   | Khối ngành I |   |                  |          |           |            |                  |                        |
| 1   | Âm nhạc      | 1 | Nguyễn Mạnh Hiền | 1969     | Nam       | Giảng viên | ĐH               |                        |
|     |              | 2 | Đình Văn Luận    | 1970     | Nam       | Giảng viên | ĐH               |                        |
|     |              | 3 | Trần Công Tịnh   | 1977     | Nam       | Giảng viên | Th.s             |                        |

|    |                            |   |                       |      |     |                       |      |  |
|----|----------------------------|---|-----------------------|------|-----|-----------------------|------|--|
|    |                            | 4 | Nguyễn Phú Quốc       | 1983 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
| 2  | <b>Quản lý Giáo dục</b>    | 1 | Nguyễn Thị A Mí       | 1984 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 2 | Nguyễn Lê Quân        | 1984 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 3 | Mai Thị Thu Hương     | 1973 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 4 | Hà Trung Sơn          | 1970 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 5 | Nguyễn Thị Thu Thủy   | 1974 | Nữ  | Giảng viên chính      | Th.s |  |
| 3  | <b>Văn hóa học</b>         | 1 | Trần Văn Phê          | 1973 | Nam | Giảng viên chính      | Th.s |  |
| 4  | <b>Đo lường - Đánh giá</b> | 1 | Võ Thị Huyền          | 1988 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
| 5  | <b>Lịch sử</b>             | 1 | Chu Thanh Dũng        | 1975 | Nam | Giảng viên CĐSP chính | Th.s |  |
|    |                            | 2 | Lê Bá Tiến            | 1982 | Nam | Giảng viên CĐSP chính | Th.s |  |
| 6  | <b>Hóa học</b>             | 1 | Ngô Võ Thanh          | 1974 | Nam | Giảng viên chính      | Th.s |  |
|    |                            | 2 | Bùi Thị Nam Trân      | 1978 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
| 7  | <b>Mỹ thuật</b>            | 1 | Nguyễn Văn Điền       | 1966 | Nam | Giảng viên            | ĐH   |  |
|    |                            | 2 | Cao Duy Linh          | 1970 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 3 | Nguyễn Thị Hòa Hiệp   | 1985 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
| 8  | <b>Ngữ Văn</b>             | 1 | Phan Thị Thu Hà       | 1971 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 2 | Võ Thị Thoa           | 1972 | Nữ  | Giảng viên chính      | Th.s |  |
|    |                            | 3 | Lê Xuân Dũng          | 1970 | Nam | Giảng viên chính      | Th.s |  |
| 9  | <b>Sinh</b>                | 1 | Nguyễn Thị Thu Hà     | 1973 | Nữ  | Giảng viên cao cấp    | TS   |  |
|    |                            | 2 | Nguyễn Anh Khoa       | 1970 | Nam | Giảng viên chính      | Th.s |  |
| 10 | <b>Thể dục</b>             | 1 | Nguyễn Văn Lâm        | 1977 | Nam | Giảng viên CĐSP chính | Th.s |  |
|    |                            | 2 | Lê Văn Bình           | 1982 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
| 11 | <b>Tiếng Anh</b>           | 1 | Mai Thạch Anh         | 1973 | Nữ  | Giảng viên            | ĐH   |  |
|    |                            | 2 | Đoàn Nguyễn Nghi Nghi | 1974 | Nữ  | Giảng viên chính      | Th.s |  |
|    |                            | 3 | Võ Văn Thanh          | 1972 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
| 12 | <b>Tiếng Pháp</b>          | 1 | Trần Ngọc Thanh       | 1975 | Nam | Giảng viên            | ĐH   |  |
| 13 | <b>Tin học</b>             | 1 | Nguyễn Thanh Hương    | 1983 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 2 | Lưu Thiện Đại         | 1988 | Nam | Giảng viên            | ĐH   |  |
|    |                            | 3 | Trần Thị Thúy Hà      | 1987 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
| 14 | <b>Toán</b>                | 1 | Lê Quốc Trọng         | 1975 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                            | 2 | Lê Như Thiện          | 1969 | Nam | Giảng viên chính      | Th.s |  |

|    |                             |    |                       |      |     |                       |      |  |
|----|-----------------------------|----|-----------------------|------|-----|-----------------------|------|--|
|    |                             | 3  | Lê Văn Tám            | 1974 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
| 15 | Vật lý                      | 1  | Võ Quốc Đạt           | 1972 | Nam | Giảng viên chính      | Th.s |  |
|    |                             | 2  | Nguyễn Mạnh Trường    | 1986 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 3  | Lâm Thị Bích Trân     | 1985 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
| 16 | Giảng viên cơ hữu môn chung | 1  | Phạm Thị Thanh Hà     | 1971 | Nữ  | Giảng viên chính      | Th.s |  |
|    |                             | 2  | Nguyễn Thị Ngọc Trinh | 1979 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 3  | Võ Thị Kiều Trinh     | 1982 | Nữ  | Giảng viên CĐSP       | Th.s |  |
|    |                             | 4  | Hoàng Ngọc Phong      | 1985 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 5  | Trần Thị Thu Vân      | 1982 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 6  | Trần Thị Điều         | 1988 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 7  | Hồ Cao Sơn            | 1978 | Nam | Giáo viên THPT        | ĐH   |  |
|    |                             | 8  | Mai Văn Quý           | 1978 | Nam | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 9  | Vương Thị Luận        | 1988 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 10 | Đặng Thị Thùy Linh    | 1991 | Nữ  | Giảng viên            | Th.s |  |
|    |                             | 11 | Bùi Thị Kim Ngân      | 1980 | Nữ  | Giảng viên CĐSP chính | Th.s |  |

### C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

| II | Khối ngành     | Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi |
|----|----------------|-------------------------------------------|
| 1  | Khối ngành I   |                                           |
| 2  | Khối ngành II  |                                           |
| 3  | Khối ngành III |                                           |
| 4  | Khối ngành IV  |                                           |
| 5  | Khối ngành V   |                                           |
| 6  | Khối ngành VI  |                                           |
| 7  | Khối ngành VII |                                           |

Gia Lai, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**Thủ trưởng đơn vị**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



*TS. Nguyễn Thị Thu Hà*